

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2021/DS-PT

Ngày : 21-12-2021

V/v: “Tranh chấp: hợp đồng vay tài sản và hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những.

Ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 4, 16 và 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2021/TLDS-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 612/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị Diễm P, sinh năm 1990.

1.2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1989.

2.2. Ông Hà Quang T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Quang T: Ông Lê Văn T. Địa chỉ: đường P, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hà Quang T: Luật sư Lê Ngọc L – Thành viên Đoàn luật sư TP Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Mai Thị H, sinh năm 1985.

3.2. Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1963.

3.3. Ông Trần Thanh V, sinh năm 1980.

3.4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

3.5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L và ông Hà Quang T.

(Ông Nguyễn Văn T, bà L, ông T, ông Quang T và Luật sư L có mặt tại phiên tòa, đương sự còn lại có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Diễm P và ông Trần Minh T trình bày trong đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện trình bày trong quá trình tố tụng vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Vợ chồng ông Hà Quang T, bà Nguyễn Thị Bích L tham gia góp hụi do vợ chồng ông Trần Minh T, bà Trần Thị Diễm P làm chủ thảo và còn nợ số tiền của từng loại hụi như sau:

Đối với loại hụi ngày:

1. Hụi mở ngày 09/02/2020, mãn hụi ngày 10/3/2020, gồm 130 dây hụi, mỗi dây hụi có 31 phần, mỗi phần 100.000 đồng. Bà L tham gia 130 dây, mỗi dây 20 phần, tổng cộng là 2.600 phần.

- Số hụi ghi ngày 09/2/2020. Ngày 09/02/2020: bà L hót 130 phần tương ứng 130 dây mỗi dây một phần (đóng lại 2.470 phần sống). Hót: 130 phần x 2.680.000

đồng(30 phần x 91.000đồng – 50.000 đồng tiền huê hồng)/dây = 348.400.000 đồng. Đóng: 2.470 phần hụi sống x 91.000 đồng = 224.770.000 đồng. Số tiền giao là: 123.630.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 10/2/2020. Ngày 10/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 130 phần chết và 2.340 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.660.000 đồng (29 phần x 90.000 đồng – 50.000 đồng tiền huê hồng)/dây = 345.800.000 đồng. Đóng: 130 phần chết x 100.000 đồng = 13.000.000 đồng; 2340 phần sống x 90.000 đồng = 210.600.000 đồng. Số tiền giao là: 122.200.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 11/2/2020. Ngày 11/02/2020: hốt 125 phần (đóng lại 260 phần chết và 2.215 phần sống). Hốt: 125 phần x 2.670.000 đồng = 333.750.000 đồng. Đóng: 260 phần chết x 100.000 đồng = 26.000.000 đồng; 2.215 phần sống x 90.000 đồng = 199.350.000 đồng. Số tiền giao là: 108.400.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 12/2/2020. Ngày 12/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 385 phần chết và 2085 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.707.000 đồng = 351.910.000 đồng. Đóng: 385 phần chết x 100.000 đồng = 38.500.000 đồng; 2.085 phần sống x 91.000 đồng = 189.735.000 đồng. Số tiền giao là: 123.675.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 13/2/2020. Ngày 13/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 515 phần chết và 1.955 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.716.000 đồng = 353.080.000 đồng. Đóng: 515 phần chết x 100.000 đồng = 51.500.000 đồng. 1.955 phần sống x 91.000 đồng = 177.905.000 đồng. Số tiền giao là: 123.675.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 14/2/2020. Ngày 14/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 645 phần chết và 1.825 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.725.000 đồng = 354.250.000 đồng. Đóng: 645 phần chết x 100.000 đồng = 64.500.000 đồng. 1.825 phần sống x 91.000 đồng = 166.075.000 đồng. Số tiền giao là: 123.675.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 15/2/2020. Ngày 15/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 775 phần chết và 1.695 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.734.000 đồng = 355.420.000 đồng. Đóng: 775 phần chết x 100.000 đồng = 77.500.000 đồng. 1.695 phần sống x 91.000 đồng = 154.245.000 đồng. Số tiền giao là: 123.675.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 16/2/2020. Ngày 16/02/2020: hốt 120 phần (đóng lại 905 phần chết và 1.575 phần sống). Hốt: 120 phần x 2.743.000 đồng = 329.160.000 đồng. Đóng: 905 phần chết x 100.000 đồng = 90.500.000 đồng. 1.575 phần sống x 91.000 đồng = 143.325.000 đồng. Số tiền giao là: 95.335.000 đồng.

- Sổ hụi ghi ngày 17/02/2020. Ngày 17/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 1.025 phần chết và 1.445 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.752.000 đồng = 357.760.000 đồng. Đóng: 1.025 phần chết x 100.000 đồng = 102.500.000 đồng. 1.445 phần sống x 91.000 đồng = 131.495.000 đồng. Số tiền giao là: 123.765.000 đồng.

- Sổ hụi ngày 18/2/2020. Ngày 18/02/2020: hốt 130 phần (đóng lại 1.155 phần chết và 1.315 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.761.000 đồng = 358.930.000

đồng. Đóng: $1.155 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 115.500.000 \text{ đồng}$. $1.315 \text{ phần sống} \times 91.000 \text{ đồng} = 119.665.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 123.765.000 đồng.

- Sổ hội ngày 19/2/2020. Ngày 19/02/2020: hót 130 phần (đóng lại 1.285 phần chết và 1.185 phần sống). Hót: $130 \text{ phần} \times 2.770.000 \text{ đồng} = 360.100.000 \text{ đồng}$. Đóng: $1.285 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 128.500.000 \text{ đồng}$. $1.185 \text{ phần sống} \times 91.000 \text{ đồng} = 107.835.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 123.765.000 đồng.

- Sổ hội ngày 20/2/2020. Ngày 20/02/2020: hót 130 phần (đóng lại 1.415 phần chết và 1.055 phần sống). Hót: $130 \text{ phần} \times 2.779.000 \text{ đồng} = 361.270.000 \text{ đồng}$. Đóng: $1.415 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 141.500.000 \text{ đồng}$. $1.055 \text{ phần sống} \times 90.000 \text{ đồng} = 96.005.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 123.765.000 đồng.

2. Hội mở ngày 20/2/2020.

- Sổ hội: ghi ngày 21/2/2020. Ngày 21/02/2020: hót 130 phần (đóng lại 1.545 phần chết và 925 phần sống). Hót: $130 \text{ phần} \times 2.806.000 \text{ đồng} = 364.780.000 \text{ đồng}$. Đóng: $1.545 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 154.500.000 \text{ đồng}$. $925 \text{ phần sống} \times 92.000 \text{ đồng} = 85.100.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 125.180.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 22/2/2020. Ngày 22/02/2020: hót 125 phần (đóng lại 1.675 phần chết và 800 phần sống). Hót: $125 \text{ phần} \times 2.814.000 \text{ đồng} = 351.750.000 \text{ đồng}$. Đóng: $1.675 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 167.500.000 \text{ đồng}$. $800 \text{ phần sống} \times 92.000 \text{ đồng} = 73.600.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 110.650.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 23/2/2020. Ngày 23/02/2020: hót 115 phần (đóng lại 1.800 phần chết và 685 phần sống). Hót: $115 \text{ phần} \times 2.822.000 \text{ đồng} = 324.530.000 \text{ đồng}$. Đóng: $1.800 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 180.000.000 \text{ đồng}$. $685 \text{ phần sống} \times 92.000 \text{ đồng} = 63.020.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 81.510.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 24/2/2020. Ngày 24/02/2020: hót 130 phần (đóng lại 1.915 phần chết và 555 phần sống). Hót: $130 \text{ phần} \times 2.830.000 \text{ đồng} = 367.900.000 \text{ đồng}$. Đóng: $1.915 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 191.500.000 \text{ đồng}$. $555 \text{ phần sống} \times 92.000 \text{ đồng} = 51.060.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 125.340.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 25/2/2020. Ngày 25/02/2020: hót 125 phần (đóng lại 2.045 phần chết và 430 phần sống). Hót: $125 \text{ phần} \times 2.852.000 \text{ đồng} = 356.500.000 \text{ đồng}$. Đóng: $2.045 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 204.500.000 \text{ đồng}$. $430 \text{ phần sống} \times 93.000 \text{ đồng} = 39.990.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 112.010.000 đồng.

- Sổ hội: ngày 26/2/2020. Ngày 26/02/2020: hót 125 phần (đóng lại 2.170 phần chết và 305 phần sống). Hót: $125 \text{ phần} \times 2.859.000 \text{ đồng} = 357.375.000 \text{ đồng}$. Đóng: $2.170 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 217.000.000 \text{ đồng}$. $305 \text{ phần sống} \times 93.000 \text{ đồng} = 28.365.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 112.010.000 đồng.

Sổ hội: ghi ngày 27/02/2020. Ngày 27/02/2020: hót 125 phần (đóng lại 2.295 phần chết và 180 phần sống). Hót: $125 \text{ phần} \times 2.866.000 \text{ đồng} = 358.250.000 \text{ đồng}$. Đóng: $2.295 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 229.500.000 \text{ đồng}$. $180 \text{ phần sống} \times 93.000 \text{ đồng} = 16.740.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 112.010.000 đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 28/2/2020. Ngày 28/02/2020: hốt 125 phần (đóng lại 2.420 phần chết và 55 phần sống). Hốt: $125 \text{ phần} \times 2.873.000 \text{ đồng} = 359.125.000 \text{ đồng}$. Đóng: $2.420 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 242.000.000 \text{ đồng}$. $55 \text{ phần sống} \times 93.000 \text{ đồng} = 5.115.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 112.010.000 đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 29/2/2020. Ngày 29/02/2020: hốt 55 phần (đóng lại 2.545 phần chết). Hốt: $55 \text{ phần} \times 2.890.000 \text{ đồng} = 158.950.000 \text{ đồng}$. Hốt mượn: Do ngày 29/2/2020 đã hốt hết 2.600 phần tham gia nên bà L mượn thêm 65 phần để hốt, số tiền hốt mượn là: $65 \text{ phần} \times 2.984.000 \text{ đồng} = 193.960.000 \text{ đồng}$. Đóng: $2.545 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 254.500.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 98.410.000 đồng.

3. Hụi mở ngày 01/3/2020:

- Sổ hụi: ghi ngày 01/3/2020. Ngày 01/3/2020, hốt mượn 85 phần:

Hốt mượn: $85 \text{ phần} \times 2.990.000 \text{ đồng} = 254.150.000 \text{ đồng}$. Đóng hụi chết: $2600 \text{ phần} \times 100.000 \text{ đồng} = 260.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ: 5.850.000 đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 02/3/2020. Ngày 02/3/2020, bà L hốt mượn 65 phần. Hốt mượn: $65 \text{ phần} \times 3.005.000 \text{ đồng} = 195.325.000 \text{ đồng}$. Đóng hụi chết: $2600 \text{ phần} \times 100.000 \text{ đồng} = 260.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ: 64.675.000 đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 03/3/2020. Ngày 03/3/2020: bà L hốt mượn 10 phần: Hốt mượn: $3.010.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ phần} = 30.100.000 \text{ đồng}$. Đóng hụi chết: $2600 \text{ phần} \times 100.000 \text{ đồng} = 260.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ: 229.900.000 đồng. Tổng số phần hụi mượn là 225 phần.

Tổng kết dây hụi ngày 09/2/2020: Bà L phải đóng hụi chết đến khi mãn hụi là 06 ngày (từ ngày 05/3/2020 đến ngày 10/3/2020): $06 \text{ ngày} \times 260.000.000 \text{ đồng} = 1.560.000.000 \text{ đồng}$. Phải trả hụi mượn 225 phần $\times 3.050.000 \text{ đồng} = 686.250.000 \text{ đồng}$. Bà L nợ là: $1.560.000.000 \text{ đồng} + 686.250.000 \text{ đồng} = 2.246.250.000 \text{ đồng}$

4. Dây hụi ngày 20/02/2020, mãn hụi ngày 21/3/2020. Hụi có 130 dây, mỗi dây 31 phần, mỗi phần 100.000 đồng. Bà L tham gia 110 dây 20 phần và 20 dây 19 phần. Tổng số phần bà L tham gia là 2.580 phần.

- Sổ hụi: ghi ngày 20/2/2020. Ngày 20/02/2020 hốt 115 phần (đóng lại 2465 phần chết). Hốt: $115 \text{ phần} \times 2.680.000 \text{ đồng} = 308.200.000 \text{ đồng}$. Đóng: $2.465 \text{ phần sống} \times 91.000 \text{ đồng} = 224.315.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 83.885.000 đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 21/2/2020. Từ ngày 20/2/2020 dây hụi mở ngày 20/2/2020 hốt và đóng song song với những ngày còn lại của dây hụi ngày 09/2/2020. Ngày 21/02/2020 hốt 125 phần (đóng lại 115 phần chết và 2.340 phần sống). Hốt: $125 \text{ phần} \times 2.660.000 = 332.500.000 \text{ đồng}$. Đóng: $115 \text{ phần chết} \times 100.000 \text{ đồng} = 11.500.000 \text{ đồng}$. $2340 \text{ phần sống} \times 90.000 \text{ đồng} = 210.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là: 110.400.000 đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 22/2/2020. Ngày 22/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 240 phần chết và 2.210 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.670.000đồng = 347.100.000đồng. Đóng: 240 phần chết x 100.000đồng = 24.000.000đồng. 2210 phần sống x 90.000đồng = 198.900.000đồng. Số tiền giao: 124.200.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 23/2/2020. Ngày 23/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 580 phần chết và 2080 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.707.000đồng = 351.910.000đồng. Đóng: 370 phần chết x 100.000đồng = 37.000.000đồng. 2080 phần sống x 91.000đồng = 189.280.000đồng. Số tiền giao: 125.630.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 24/2/2020. Ngày 24/02/2020 hốt 120 phần (đóng lại 500 phần chết và 1960 phần sống). Hốt: 120 phần x 2.716.000đồng = 325.920.000đồng. Đóng: 500 phần chết x 100.000đồng = 50.000.000đồng. 1960 phần sống x 91.000đồng = 178.360.000đồng. Số tiền giao là: 97.560.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 25/02/2020. Ngày 25/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 620 phần chết và 1830 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.725.000đồng = 354.250.000đồng. Đóng: 620 phần chết x 100.000đồng = 62.000.000đồng. 1830 phần sống x 91.000đồng = 166.530.000đồng. Số tiền giao là: 125.720.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 26/2/2020. Ngày 26/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 750 phần chết và 1700 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.734.000đồng = 355.420.000đồng. Đóng: 750 phần chết x 100.000đồng = 75.000.000đồng. 1700 phần sống x 91.000đồng = 154.700.000đồng. Số tiền giao là: 125.720.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 27/02/2020. Ngày 27/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 880 phần chết và 1570 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.743.000đồng = 356.590.000đồng. Đóng: 880 phần chết x 100.000đồng = 88.000.000đồng. 1570 phần sống x 91.000đồng = 142.870.000đồng. Số tiền giao là: 125.720.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 28/2/2020. Ngày 28/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 1010 phần chết và 1440 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.752.000đồng = 357.760.000đồng. Đóng: 1010 phần chết x 100.000đồng = 101.000.000đồng. 1440 phần sống x 91.000đồng = 131.040.000đồng. Số tiền giao là: 125.720.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 29/2/2020. Ngày 29/02/2020 hốt 130 phần (đóng lại 1140 phần chết và 1310 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.761.000đồng = 358.930.000đồng. Đóng: 1.140 phần chết x 100.000đồng = 114.000.000đồng. 1.310 phần sống x 91.000đồng = 119.210.000đồng. Số tiền dư là: 125.720.000đồng.

- Sổ hụi: ghi ngày 01/3/2020. Ngày 01/03/2020 hốt 130 phần (đóng lại 1270 phần chết và 1180 phần sống). Hốt: 130 phần x 2.770.000đồng = 360.100.000đồng. Đóng: 1270 phần chết x 100.000đồng = 127.000.000đồng. 1180 phần sống x 91.000đồng = 107.380.000đồng. Số tiền giao là: 125.720.000đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 02/3/2020. Ngày 02/03/2020 hót 115 phần (đóng lại 1400 phần chết và 1065 phần sống). Hót: 115 phần x 2,779.000đồng = 319.585.000đồng. Đóng: 1400 phần chết x 100.000đồng = 140.000.000đồng. 1065 phần sống x 91.000đồng = 96.915.000đồng. Số tiền giao là 82.670.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 03/3/2020. Ngày 03/3/2020 hót 125 phần (đóng lại 1515 phần chết và 940 phần sống). Hót: 125 phần x 2.788.000 đồng = 348.500.000 đồng. Đóng: 1515 phần chết x 100.000 đồng = 151.500.000 đồng. 940 phần sống x 91.000 đồng = 85.540.000 đồng. Số tiền dư là 111.460.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 04/3/2020. Ngày 04/3/2020 hót 120 phần (đóng lại 1640 phần chết và 820 phần sống). Hót: 120 phần x 2.797.000 đồng = 335.640.000 đồng. Đóng: 1640 phần chết x 100.000 đồng = 164.000.000 đồng. 820 phần sống x 91.000 đồng = 74.620.000 đồng. Số tiền giao là 97.020.000 đồng.

Tổng kết dây hội ngày 20/2/2020. Dây hội mở ngày 20/2/2020, đến ngày 04/3/2020 bà L hót 1760 phần trong số 2580 phần tham gia, còn 17 ngày mần hội (21/3/2020). Đóng hội chết: 1760 phần x 100.000/1 phần = 176.000.000 đồng x 17 ngày = 2.992.000.000 đồng. Hội sống trả lại: 820 phần x 1.272.000 đồng = 1.043.040.000 đồng. Còn nợ: 2.992.000.000 đồng – 1.043.000.000 đồng = 1.948.960.000 đồng.

5. Dây hội mở ngày 01/3/2020, mần ngày 31/3/2020, gồm có 140 dây, mỗi dây 31 phần. Bà L tham gia 130 dây 20 phần và 10 dây 25 phần, tổng số phần bà L tham gia là 2.725 phần.

- Sổ hội: ghi ngày 01/3/2020. Ngày 01/3/2020 hót 140 phần (đóng lại 2585 phần sống). Hót: 140 phần x 2.650.000 đồng = 371.000.000 đồng. Đóng: 2585 phần sống x 90.000 đồng = 232.650.000 đồng. Số tiền giao 138.350.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 02/3/2020. Từ ngày 01/3/2020 trở đi, dây hội mở ngày 01/3/2020 hót và đóng song song cùng với những ngày còn lại của dây hội 09/2/2020 và dây 20/2/2020. Ngày 02/3/2020: hót 138 phần (đóng lại 140 phần chết và 2.447 phần sống). Hót: 138 phần x 2.689.000 đồng = 371.082.000 đồng. Đóng: 140 phần chết x 100.000 đồng = 14.000.000 đồng. 2447 phần sống x 91.000 đồng = 222.677.000 đồng. Số tiền giao: 134.405.000 đồng.

- Sổ hội: ghi ngày 03/3/2020. Ngày 03/3/2020: hót 135 phần (đóng lại 278 phần chết và 2312 phần sống). Hót: 135 phần x 2.689.000 đồng = 364.230.000 đồng. Đóng: 278 phần chết x 100.000 đồng = 27.800.000 đồng. 2312 phần sống x 91.000 đồng = 210.392.000 đồng. Số tiền giao: 126.038.000 đồng. Sổ hội ghi ngày 04/3/2020.

- Ngày 4/3/2020 hót 140 phần (đóng lại 413 phần chết và 2.172 phần sống). Hót: 140 phần x 2.680.000 đồng = 375.200.000 đồng. Đóng: 413 phần chết x 100.000 đồng = 41.300.000 đồng; 2.172 phần sống x 90.000 đồng = 195.480.000 đồng. Số tiền giao là 138.420.000 đồng.

Tổng kết dây hui mở ngày 01/3/2020. Dây hui ngày 01/3/2020, tính đến ngày 04/3/2020 bà L hốt 553 phần trong tổng số 2.725 phần tham gia, còn 27 ngày mần hui (đến 31/3/2020). Bà L phải đóng hui chết: $553 \text{ phần} \times 100.000 \text{ đồng} = 55.300.000 \text{ đồng}$ $\times 27 \text{ ngày} = 1.493.100.000 \text{ đồng}$. Được trả lại hui sống: $362.000 \text{ đồng} \times 2.172 \text{ phần} = 786.264.000 \text{ đồng}$. Còn nợ là: $1.493.100.000 \text{ đồng} - 786.264.000 \text{ đồng} = 706.836.000 \text{ đồng}$.

Tổng kết dây hui ngày bà L và ông T nợ 4.902.046.000 đồng.

Đối với loại hui tháng.

1. Hui 2.000.000 đồng/phần, mở ngày 20/9/2019, mần hui ngày 20/12/2020, tổng 03 dây, mỗi dây 16 phần, bà L, ông T tham gia 03 dây, mỗi dây 03 phần, tổng cộng tham gia 09 phần.

- Ngày 30/9/2019 bà L đóng 13.500.000 đồng.

- Ngày 30/10/2019 bà L đóng 12.600.000 đồng.

- Ngày 30/11/2019 bà L hốt 3 phần của 3 dây hui với giá khai là 600.000 đồng/phần thì hốt được là: 63.600.000 đồng. Đóng lại 06 phần sống là 8.400.000 đồng ($1.400.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ phần} = 8.400.000 \text{ đồng}$). Số tiền giao là 55.200.000 đồng.

- Ngày 30/12/2019 bà L hốt 02 phần của 02 dây hui với giá khai là 600.000 đồng mỗi phần thì một phần hốt được 43.600.000 đồng. Đóng lại 03 phần chết $\times 2.000.000 \text{ đồng} = 6.000.000 \text{ đồng}$ và 04 phần sống $\times 1.400.000 \text{ đồng} = 5.600.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao là 32.000.000 đồng.

- Ngày 01/2/2020 đóng 15.600.000 đồng (gồm 05 phần chết $\times 2.000.000 \text{ đồng}$ và 04 phần sống $\times 1.400.000 \text{ đồng}$).

- Ngày 29/2/2020, bà L hốt 01 phần của 01 dây hui với giá khai là 600.000 đồng/phần thì hốt được là: 23.000.000 đồng. Đóng lại 05 phần chết $\times 2.000.000 \text{ đồng}$ và 3 phần sống $\times 1.400.000 \text{ đồng} = 14.200.000 \text{ đồng}$. Số tiền giao còn lại là: 8.800.000 đồng.

- Ngày 22/3/2020 bà L bị mất liên lạc nên ông T, bà P chốt dây hui mở ngày 20/9/2019 như sau: Phải đóng hui chết 10 tháng còn lại, mỗi tháng 06 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền: $10 \text{ tháng} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ phần} = 120.000.000 \text{ đồng}$; Trả hui sống 03 phần với số tiền: $03 \text{ phần} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$. Do đó, dây hui ngày 20/9/2019 bà L còn nợ 84.000.000 đồng.

2. Hui 5.000.000 đồng/phần, mở ngày 10/11/2019 có 02 dây, mỗi dây có 13 phần (13 tháng). Bà L tham gia 10 phần (mỗi dây 5 phần). Dây hui này mần ngày 10/11/2020.

- Ngày 15/11/2019 đóng 36.000.000 đồng (gồm 5 phần khai giá 1.500.000 đồng và 5 phần khai giá 1.300.000 đồng).

- Ngày 15/12/2019 đóng 35.000.000 đồng (10 phần khai giá 1.500.000 đồng).

- Ngày 15/01/2020, bà L hốt 2 phần của 2 dây hui với giá khai là 1.400.000 đồng/1 phần thì mỗi phần hốt được là 43.000.000 đồng. Tổng số tiền hốt của 2 dây hui là 87.000.000 đồng. Đóng lại 8 phần sống x 3.600.000 đồng = 28.800.000 đồng. Số tiền giao là 58.200.000 đồng.

- Ngày 15/02/2020, bà L hốt 02 phần của 2 dây hui với giá khai là 1.400.000 đồng/1 phần thì mỗi phần được là 44.900.000 đồng. Tổng số tiền hốt 2 dây hui là 89.800.000 đồng. Đóng lại 6 phần hui sống x 3.600.000 đồng = 21.600.000 đồng và 2 phần hui chết là 10.000.000 đồng. Số tiền giao là 58.200.000 đồng.

- Ngày 15/3/2020 bà L hốt 2 phần của 2 dây hui với giá khai là 1.600.000 đồng/1 phần thì mỗi phần hốt được là 44.700.000 đồng. Tổng số tiền hốt 2 dây hui là 89.400.000 đồng. Đóng lại 4 phần hui sống x 3.400.000 đồng và 4 phần hui chết x 5.000.000 đồng. Tổng cộng đóng 33.600.000 đồng. Số tiền giao là 55.800.000 đồng.

- Ngày 22/3/2020 bà L đã bỏ đi và không liên lạc được nên ông T, bà P chốt dây hui mở ngày 10/11/2019 như sau: Hui chết 06 phần mỗi phần đóng 5.000.000 đồng thì 01 tháng 30.000.000 đồng, còn lại 08 tháng (từ ngày 15/4/2020 đến 15/11/2020) số tiền là 240.000.000 đồng. Hui sống 04 phần, trả lại giá 5.000.000 đồng/1 phần thì 01 tháng là 20.000.000 đồng, đã đóng 05 tháng số tiền là 100.000.000 đồng. Do đó dây hui mở ngày 10/11/2019, bà L còn nợ là: 140.000.000 đồng.

3. Hui 5.000.000 đồng/phần, mở ngày 15/5/2019, ngày mãn hui ngày 15/5/2020, có 2 dây hui, mỗi dây có 13 phần (13 tháng). Bà L tham gia mỗi dây 2 phần. Bà L đã hốt hết hui vào ngày 15/11/2019. Cụ thể, ngày 26/8/2019 giao 2 phần, ngày 26/9/2019 giao 01 phần, ngày 25/11/2019 giao 01 phần. Như vậy, dây hui mở ngày 15/11/2019 bà L phải đóng 03 tháng hui chết, mỗi tháng là 20.000.000 đồng, tổng số tiền phải đóng là 60.000.000 đồng.

4. Hui 1.000.000 đồng/phần, mở ngày 10/01/2019 được kết thúc vào ngày 10/4/2020, có 2 dây, mỗi dây 16 phần (16 tháng). Bà L tham gia 02 phần. Đã hốt hết hui vào ngày 10/11/2019. Ngày giao hui là ngày 21/11/2019. Như vậy, dây hui mở ngày 10/01/2019 bà L phải đóng 02 tháng hui chết, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tổng số tiền phải đóng 4.000.000 đồng.

Tổng kết hui tháng. Hui tháng bà L nợ: 288.000.000 đồng.

Ngoài ra bà L còn nợ tiền vay:

- Ngày 07/3/2020 bà L vay của ông T số tiền 606.500.000 đồng, sau đó trả 106.500.000 đồng. Bà L còn nợ số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 23/12/2019, bà L vay của ông T số tiền 150.000.000 đồng. Bà L đã trả 13.000.000 đồng. Bà L còn nợ số tiền 137.000.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn bà P và ông T yêu cầu ông T và bà L trả: 5.827.046.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Tất cả các lần giao hội bà L có ký nhận, có lần ông T có ký nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L do người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Bà L có yêu cầu phản tố, đề nghị hủy 04 hợp đồng góp hội tháng với bà P. Bà L thống nhất, tất cả các chữ ký trong sổ hội do phía nguyên đơn xuất trình đúng là của bà L. Tuy nhiên, giữa bà L với bà P và ông T chỉ tồn tại việc vay mượn tiền chứ không có góp hội. Bà L không biết hội viên, mà khi bà L cần tiền thì bà P đưa tiền mới ký giấy hội, từ lúc ban đầu không có thỏa thuận hội. Bà L chỉ còn nợ bà P và ông T số tiền khoảng 100.000.000 đồng và đồng ý trả. Bà L xác định, việc bà L vay tiền với bà P, thì ông T không biết. Bà L không đồng ý hai giấy mượn tiền do bà P xuất trình.

Bị đơn ông Hà Quang T trình bày trong Bản tự khai đề ngày 30/7/2020 nộp Tòa án như sau:

Ông T không biết việc bà L chơi hội gì với bà P và ông T. Có lần, bà L không có nhà, bà P có gửi bà L số tiền 80.000.000 đồng, ông T có nhận thay. Số tiền này, ông T cũng đã trả cho bà P xong. Ông T không đồng ý liên đới cùng bà L trả nợ theo yêu cầu bà P và ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng góp hội của bà L. Đồng thời, rút lại yêu cầu đòi tiền đối với 02 giấy mượn tiền với số tiền là 23/12/2019 và ngày 07/3/2019 với số tiền là 637.000.000 đồng. Bà P sẽ khởi kiện sau. Nay chỉ kiện tiền hội bà L và ông T liên đới trả bà P và ông T là 5.190.046.000 đồng. Bà P và ông T không có nhận số tiền nào do ông Hà Quang T trả với số tiền là 80.000.000 đồng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ: Các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 483; 227, 228, 217 và 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 471, 468 và 288 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và bà Trần Thị Diễm P do ông Nguyễn Văn T đại diện về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội” với ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Liễu và ông Hà Quang T liên đới trả cho bà Trần Thị Diễm P và ông Trần Minh T 5.190.046.000 đồng (Năm tỷ một trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi chậm thi hành.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm Phúc do ông Nguyễn Văn T đại diện về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” với ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích L đối với số tiền 637.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng). Hậu quả việc đình chỉ: ông T và bà P có quyền khởi kiện lại.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Bích L về việc yêu cầu hủy Hợp đồng góp hụi tháng đối với ông Trần Minh T và bà Trần Thị Diễm P.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Hà Quang T liên đới nộp 123.900.460 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước đối với việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả 5.190.046.000 đồng. Ngoài ra ông T và bà L phải nộp 1.200.000 đồng án phí bị bác yêu cầu phản tố. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng theo các biên lai số 6125, 6126, 6127 và 6128 cùng ngày 25/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông T và bà P là 57.129.000 đồng theo biên lai 5918 ngày 23/7/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 01/10/2020, bà Nguyễn Thị Bích L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do: không phải là thỏa thuận hụi, số tiền nhận từ vợ chồng ông T, bà P theo đơn khởi kiện là tiền vay nhưng khi giao tiền ghi là hụi và buộc bà L phải đóng lãi theo mức lãi suất ấn định. Các dây hụi trên, ngoài bà L thì không còn ai là hụi viên. Số tiền này, bà L dùng vào việc tiêu xài cá nhân và trả nợ, ông T không biết. Bà L chỉ đồng ý trả lại cho ông T, bà P số tiền đã ký nhận nhưng chưa trả hết theo các chứng cứ đã nộp Tòa án.

- Ngày 08/10/2020, ông Hà Quang T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông T liên đới với bà Nguyễn Thị Bích L trả cho nguyên đơn số tiền 5.190.046.000 đồng. Với lý do, ông T hoàn toàn không biết và không hưởng lợi từ việc tham gia góp hụi và vay tiền giữa bà L với vợ chồng bà P, ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút yêu cầu và không rút kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà L tham gia chơi hội do vợ chồng bà P, ông T làm chủ hội bắt đầu thời gian từ năm 2017 cho đến năm 2020. Hình thức chơi hội, mỗi hội viên trong từng dây hội đều có một sổ hội ký nhận nhận hội do bà P giữ; còn hội viên cũng có sổ nhỏ do hội viên giữ; mỗi dây hội thường có nhiều người tham gia và có danh sách hội viên. Bà L đều thừa nhận tất cả các chữ ký mang tên bà L trong các sổ hội nguyên đơn nộp Tòa án là của bà L ký ra. Còn ông T có ký tên vào sổ hội một lần do sổ thể hiện bà L chơi hội một quá trình liên tục, thì ông T phải biết. Bà L cũng thừa nhận tiền hội dùng vào mua đất, trả nợ và tiêu xài. Việc ông T với bà L nói ly thân trước khi ly hôn là không có căn cứ để chứng minh, nói ly thân để nguyên đơn không tranh chấp là không đồng ý. Tại cấp sơ thẩm, đại diện cho bà L cũng thừa nhận chữ ký và trình bày: nếu một mình bà L chịu trách nhiệm trả số tiền trên thì bà L chịu, nếu buộc ông T cùng liên đới thì không đồng ý trả số tiền trên. Đối với khoản tiền vay, trong vụ án này nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện và sau này sẽ kiện bằng vụ kiện khác. Bà L nói tiền vay là không có căn cứ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L và ông T.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

+ Bà L với ông T kết hôn năm 2007 và cho đến ngày 19/5/2020 được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn. Trong đó, phần nợ chung và tài sản chung không có. Trước khi ly hôn, thì giữa bà L với ông T có thời gian ly thân từ cuối 2019 đến khi Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hai người không sống chung nhà, bà L về bên nhà cha mẹ ruột ở, thỉnh thoảng về thăm con.

+ Ngày 15/3/2020, bà L có nhận số tiền 83.800.000 đồng do ông T giao lại và hai bên có làm giấy giao nhận tiền do lúc này kinh tế của hai người là riêng biệt (đã nộp biên nhận nhận tiền tại cấp phúc thẩm). Số tiền này, là số tiền do ông T, bà P đưa tiền dư, ông T không biết nên mới nhận thay.

+ Giữa bà L với vợ chồng ông T, bà P không giao dịch với nhau về hội, mà là tiền vay thời gian từ cuối năm 2019, nhưng không nhớ vay bao nhiêu lần cụ thể. Mục đích bà L vay tiền của vợ chồng bà P là để mua đất đai, trả nợ, tiêu xài cá nhân. Số tiền dùng vào mua đất trên 7 tỷ đồng, nhưng sau đó bị người khác gạt mất hết. Còn thời gian từ cuối năm 2019 trở về trước thì bà L có tham gia góp hội do vợ chồng ông T làm chủ hội.

+ Bà L cũng xác nhận chữ ký có trong các sổ hội do bà P cung cấp cho Tòa án là do bà L ký ra. Nhưng bản chất là tiền vay, nhưng bên nguyên đơn bắt buộc bà L vay với hình thức là góp hội, với hình thức nguyên đơn mượn hội của người khác để đưa tiền cho bà L vay, tiền ghi trả hội trong sổ hội của bà P thực chất là tiền bà L đóng tiền vay. Mỗi tháng bà L vay số tiền khoảng 500.000.000 đồng. Số

hụi do nguyên đơn giữ, nên có thể ghi thêm vào đó. Bà L không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Hà Quang T cũng như người đại diện trình bày: Ông T với bà L trước khi được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Về kinh tế, hai bên đã riêng biệt và bà L về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống, thỉnh thoảng về thăm con. Nên ngày 15/3/2020, ông T nhậm giữ tiền bà L từ vợ chồng bà P, sau đó giao lại cho bà L nên yêu cầu bà L viết giấy xác nhận và đã nộp Tòa án. Ông T hoàn toàn không biết gì về tiền bạc của bà L cũng như việc bà L có vay hay chơi hụi với vợ chồng ông T. Bản thân ông T là cán bộ công chức Nhà nước nhưng bị Công ty Đất Bắc đến đòi nợ theo ủy quyền của vợ chồng ông T đã gây áp lực rất lớn đối với ông T, ảnh hưởng công ăn việc làm, danh dự, nên ông T cam kết trả lại số tiền đã nhận thay bà L cho Công ty Đất Bắc và đã nộp chứng cứ cho Tòa án. Tại quyết định về thuận tình ly hôn chỉ thể hiện hai bên đã thỏa thuận phân tài sản chung và nợ chung giữa ông T và bà L không có. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bị đơn ông Hà Quang T trình bày:

+ Án sơ thẩm tuyên buộc ông T cùng liên đới với bà L trả tiền hụi cho nguyên đơn, với lý do: Ông T biết bà L chơi hụi, các sổ hụi bà L có ký tên, trong khi đó, bà L cho rằng tiền vay; Còn ông T không có ký tên, không được chia tiền, chia lợi nhuận, ông T không biết bà L chơi hụi từ vợ chồng ông T.

+ Lời khai tại cấp sơ thẩm của nguyên đơn tại phần một không có đề cập ông T, nhưng tại phần hai thì nói bà L với ông T cùng chơi hụi, có biết và được phân chia tiền hụi là không có căn cứ.

+ Ông T đã yêu cầu bà L viết giấy nhận số tiền 83.800.000 đồng, thể hiện tài sản giữa hai người là riêng biệt, rõ ràng với nhau.

+ Trước khi ly hôn, giữa ông T với bà L đã ly thân, bà L về bên nhà cha mẹ sinh sống, cả hai không còn quan hệ gì về tài sản và tại quyết định ly hôn cũng đã thể hiện không có tài sản chung và nợ chung.

+ Ông T là cán bộ công chức nhưng bị Công ty đòi nợ đe dọa, ép buộc ông T, nên tự trả số tiền đã nhận giữ bà L là 83.800.000 đồng cho Công ty.

+ Hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện ông T có liên quan đến tiền vay, tiền hụi của bà L. Nếu ngay cả, ông T biết thì không đồng nghĩa với việc ông T phải chịu trách nhiệm chung với bà L. Hơn nữa, bà L khai đây là tiền vay riêng của bà L.

+ Cấp phúc thẩm có lấy lời khai của một số người làm chứng, những người này khai có biết bà L chơi hụi, còn ông T thì không ai biết. Ngoài ra, còn có một số người có lời khai nộp Tòa án, cho rằng biết ông T có tham gia chơi hụi, nhưng đây là những người có mối quan hệ thân thích với bà L nhưng lại không có chơi hụi.

+ Ngoài ra, bà L khai có chơi hụi nhưng đến cuối năm 2019 thì đã ngưng hụi. Nếu là hụi, thì trước đó nợ tiền hụi chưa trả, mà tiếp tục cho bà L chơi hụi nữa thì không thể. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tiền vay và vay là bao nhiêu tiền.

Qua các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T. Không buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà L trả nợ cho bà P, ông T.

- Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến về vụ án cho rằng:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích L thực hiện trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

+ Quan điểm về giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo xét thấy: kháng cáo của ông T và bà L là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, án sơ thẩm tính tiền án phí để buộc bị đơn phải chịu chưa chính xác, nên đề nghị cấp phúc thẩm tính lại án phí sơ thẩm và sửa về phần án phí sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa một phần của Bản án sơ thẩm số 143/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của TAND huyện Đức Hòa về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Xét, đơn kháng cáo của ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích L đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các kháng cáo trong vụ án thấy rằng:

[2.1] Đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L:

[2.1.a]. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đều thừa nhận các chữ ký tên có trong các sổ hụi do nguyên đơn nộp có trong hồ sơ vụ án là do bà L ký ra. Tuy nhiên, về nội dung trong các sổ này, đều thể hiện giao dịch hụi giữa hai bên với nhau và bà L ký tên xác nhận. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà L xác nhận, thời gian từ cuối năm 2019 trở về trước bà L có tham gia góp hụi do vợ chồng ông T, bà P làm chủ hụi, sau đó chỉ là vay tiền và mỗi tháng vay khoảng số tiền 500.000.000 đồng. Xét thấy, trình bày của bà L về thời gian tham gia hụi có một phần phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hụi tháng mở vào ngày 20/9 và 10/11/2019 mà bà L có tham gia. Do đó, bà L cho rằng giao dịch giữa bà L với vợ chồng ông T, bà P là vay tài sản là không có căn cứ để chấp nhận. Trong khi đó, bà L là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

[2.1.b]. Ngoài ra, bà L còn cho rằng, những dây hui mà nguyên đơn khởi kiện bà L, chỉ có một mình bà L là hui viên, ngoài ra không có hui viên nào khác. Theo danh sách hui viên do nguyên đơn cung cấp, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, ghi lời khai và thu thập các sổ hui của các ông bà Nguyễn Thị H, Trần Thanh V, Trần Thị L, Mai Thị H và Bùi Thị Tuyết M... đều xác định không có mâu thuẫn gì với bà L, ông T và có tham gia hui các ngày 09/02, 20/02 và 01/3/2020 do vợ chồng ông T, bà L làm chủ hui. Xét thấy, lời khai của những người làm chứng nêu trên cùng với chứng cứ cung cấp cho Tòa án là sổ hui tham gia cùng với những dây hui mà bà L bị vợ chồng bà P khởi kiện là phù hợp với nhau. Như vậy, bà L còn cho rằng, những dây hui mà nguyên đơn khởi kiện bà L, chỉ có một mình bà L là hui viên, ngoài ra không có hui viên nào khác là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.1.c]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Giữa bà L với vợ chồng bà P, ông T phát sinh giao dịch dân sự về hui. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về giao dịch hui giữa các bên là có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L là phù hợp. Bà L kháng cáo, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì để có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên kháng cáo của bà L không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Hà Quang T:

[2.2.a]. Như nhận định tại phần [2.1] như trên, bà L có tham gia hui do vợ chồng ông T, bà P làm chủ hui từ thời điểm tháng 3/2020 trở về trước. Trong khi đó, đến ngày 28/4/2020 TAND huyện Đức Hòa mới thụ lý vụ án Hôn nhân và Gia đình giữa bà L với ông T, đến ngày 19/5/2020 Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 233/2020/QĐST-HNGĐ.

[2.2.b]. Bà L cùng ông T đều khai, trước khi ly hôn thì cả hai đã ly thân từ cuối năm 2019, ông T cung cấp chứng cứ thể hiện thời điểm giữa bà L với Tâm đã ly thân, đó là giấy thể hiện nội dung *“Hôm nay vào ngày 15/3/2020 lúc 20h. Tôi tên Nguyễn Thị Bích L có nhận của anh Hà Quang T số tiền 83.800.000 đồng do ông Trần Minh T nhờ ông Hà Quang T đưa giúp cho tôi. Do thời điểm này tôi và ông T sống ly thân nên tôi lập giấy này xác nhận đã nhận đủ số tiền mà ông T giao ông T nhờ đưa giúp cho tôi”* và giấy này chỉ có một mình bà L ký tên. Xét thấy, chứng cứ như trên cùng lời trình bày của ông T, bà L không có cơ sở để chấp nhận về việc ly thân với nhau và kinh tế giữa hai bên đã riêng tư.

[2.2.c]. Xét thấy, việc tham gia góp hui giữa các bên diễn ra trong một thời gian dài và bà L tham gia rất nhiều dây hui với số tiền có được từ hót hui rất lớn, bà L khai dùng vào việc trả nợ, mua đất, tiêu xài ... trong khoảng thời gian còn tồn tại hôn nhân giữa ông T với bà L. Hơn nữa, ông T cũng có lần nhận tiền hui và ký tên vào sổ hui mà bà L đang tham gia hui với vợ chồng ông T, bà P. Trong khi đó, tại quyết định về thuận tình ly hôn chỉ thể hiện về phân tài sản chung và nợ chung ông T và bà L trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Điều này, không đồng nghĩa là không có nợ chung.

[2.2.d]. Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T có trách nhiệm liên đới với bà L để hoàn trả toàn bộ tiền hụi cho vợ chồng bà P là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông T không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Tuy nhiên về án phí, cấp sơ thẩm buộc bà L cùng liên đới với ông T phải chịu án phí có giá ngạch là 123.900.460 đồng trên số tiền có nghĩa vụ trả là 5.190.046.000 đồng là không đúng. Do đó, cấp phúc thẩm cần sửa lại án phí sơ thẩm cho phù hợp, bà L và ông T phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 113.190.046 đồng.

[4]. Đối với chứng cứ bị đơn ông T nộp tại Tòa án gồm: Giấy ủy quyền về việc thu hồi nợ; Biên nhận tiền, 02 biên nhận thanh toán chuyển khoản. Ông T cho rằng do có Giấy ủy quyền về việc thu hồi nợ giữa vợ chồng ông T với Công ty TNHH DV Đòi nợ Đất Bắc và Công ty này đã gây áp lực rất lớn đối với ông T, nên ông T đã trả được 03 lần tiền với tổng số tiền là 80.000.000 đồng là số tiền ông T nhận từ vợ chồng ông T. Xét thấy, đây là chứng cứ mới mà ông T chỉ cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không thừa nhận, nên không có cơ sở xem xét trong vụ án này. Hơn nữa, theo Giấy ủy quyền đòi nợ của vợ chồng bà P cho Công ty Đất Bắc với số tiền là 6.438.275.000 đồng, trong vụ án này nguyên đơn chỉ tranh chấp số tiền 5.190.046.000 đồng.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Những quan điểm, đề nghị của Luật sư không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[6]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T, bà L không được chấp nhận, nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Thúy Liễu. Sửa một phần của Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đối với án phí sơ thẩm.

Căn cứ: Các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 483; 227, 228, 217 và 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 471, 468 và 288 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và bà Trần Thị Diễm P, về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi” với ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Liễu và ông Hà Quang T liên đới trả cho bà Trần Thị Diễm P và ông Trần Minh T số tiền hụi là 5.190.046.000 đồng (Năm tỷ một trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm Phúc do ông Nguyễn Văn T đại diện về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” với ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích L đối với số tiền 637.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng). Hậu quả việc đình chỉ: ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm Phúc có quyền khởi kiện lại.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Bích L về việc yêu cầu hủy Hợp đồng góp hụi tháng đối với ông Trần Minh T và bà Trần Thị Diễm P.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Hà Quang T liên đới nộp 113.190.046 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước đối với việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả 5.190.046.000 đồng. Ngoài ra, còn phải nộp 1.200.000 đồng án phí bị bác yêu cầu phản tố. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng theo các biên lai số 0006125, 0006126, 0006127 và 0006128 cùng ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm Phúc là 57.129.000 đồng theo biên lai 0005918 ngày 23/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Hà Quang T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chuyển số

tiền tạm ứng án mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006341 ngày 01/10/2020 và biên lai thu số 0006515 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa sang án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm